

Các Hành Trong Phật Giáo Là Gì?

(Tỳ Kheo Bồ-Đề 02-03-2017)

(Lê Kim Kha dịch 07-10-2022)

Thực-tại có vẻ là bền vững, nhưng không phải, nó đơn thuần chỉ là sự phản ảnh của các hành [sankhara], là những tiến trình có điều-kiện (hữu vi) chẳng bền lâu gì, hợp cùng với nhau và không có chủ thể nào cả.

“Những thứ có điều-kiện (hữu vi) đều là vô thường!

“Bản chất của chúng là sinh rồi diệt.

“Sau khi khởi sinh chúng biến diệt.

“Sự vắng-lặng của chúng là chân phúc!”

Trong những xứ Phật giáo Nguyên thủy (Theravada, Trường Lão Bộ), bài kệ này luôn được tụng đọc ở các đám tang để an ủi những người đang buồn đau khóc thương về người thân của mình mới chết. Tuy nhiên ở đây tôi không trích dẫn bài kệ này để bắt đầu bài cáo phó lễ tang. Tôi chỉ đơn giản dẫn nhập một thuật ngữ mà tôi muốn khám phá. Thuật ngữ đó là *sankhara [hành]*, một trong những chữ Pali có nhiều hàm nghĩa, và đưa nó ra ánh sáng để cho thấy sự-hiểu của Phật về thực-tại.

Chữ này đã được nói ra trong câu mở đầu của bài kệ: *Anicca vata sankhara (Những thứ có điều-kiện [= các hành] đều là vô thường!). Sankhara* là một danh từ số nhiều xuất thân từ đầu chữ *sam* [có nghĩa là “cùng với nhau”] nối với danh từ *kara* [có nghĩa là “sự làm” hoặc “sự tạo ra, sự làm ra”. Động từ tương ứng là *sankharoti* [có nghĩa là “hội hay hợp với nhau” hay “kết hợp

thành”] mà nhiều lúc nó được gắn thêm một đầu chữ khác để tạo ra động từ *abhisankharoti* [thường chỉ nghĩa rằng sự cố-ý (tư) có dính líu trong tiến trình “*hội với nhau*” hay “*kết hợp thành*” đó]. Về mặt từ nguyên học, những *sankhara* [các hành] là “*những sự cùng-làm*”: gồm cả (i) những thứ mà hành động đồng thời cùng lúc với những thứ khác để tạo ra một quả (tác động) và (ii) những thứ được tạo tác bởi ‘hành động kết hợp’ của những nguồn-lực tạo tác đó. Những dịch giả đã từng dịch chữ *sankhara* này theo nhiều cách khác nhau như: những sự tạo thành, những sự kết hợp, những hành vi, những tiến trình, những sự kết tạo, những nguồn lực, những sự kết hợp, những sự quyết định, những sự hiệp đồng, những sự tạo dựng. Đó là những sự cố gắng dịch một cách vụng về nhằm cố ‘bắt’ được ý nghĩa của một khái-niệm mà chúng ta thực sự không có chữ chính xác tương đương trong ngôn ngữ khác để dịch nó.

Mặc dù có vẻ bất khả thi nếu đi tìm một chữ chính xác tương đương trong ngôn ngữ khác để dịch chữ *sankhara* này, nhưng bằng cách khám phá “*cách dùng thực tế*” của nó thì chúng ta có thể nhìn thấy cách mà chữ này thể hiện và có các nghĩa là gì trong thế giới tư duy của những giáo lý của Đức Phật.

(1) Sankhara [các hành] trong Lý Duyên Khởi

Trong các bài kinh, chữ *sankhara* xảy ra trong 04 bối cảnh triết lý chính của giáo lý. Một là trong công thức 12 nhân duyên của vòng Duyên Khởi [sự khởi-sinh tùy thuộc, Lý Duyên Khởi] (*paticca-samuppada*), trong đó *các hành* là mốc nổi thứ hai của vòng duyên khởi, nó bị điều-kiện [duyên, bị tác động] bởi *vô-minh* và đến lượt nó có chức năng là một điều-kiện [duyên, tác động] đối với *thức*. (Vô-minh duyên hành, hành duyên thức). Nhìn vào những

lời tuyên thuyết trong các kinh, chúng ta có thể thấy rằng *các hành* là *những hành-vi cố-ý* chịu trách nhiệm cho *sự tạo tác ra nghiệp* (kamma, karma) và *tạo ra sự tái-sinh*. Như vậy *các hành* là những yếu tố định hình định dạng ‘vận mệnh’ của chúng ta khi chúng ta đến và đi trong vòng luân-hồi sinh tử (*samsara*). Trong bối cảnh này thì chữ *hành* (*sankhara*) hầu như đồng nghĩa chữ *nghiệp* (*kamma*), là một chữ ‘anh em’ của chữ *hành* về mặt từ nguyên. Cả hai chữ đều xuất thân từ động từ *karoti* [có nghĩa là “*hành động, làm, làm ra, tạo ra*”]

Các kinh đã phân *các hành* hoạt động trong Lý Duyên Khởi thành 03 loại: thuộc thân, thuộc lời-nói, và thuộc tâm (thân hành, khẩu hành, tâm hành). Lại nữa, chúng lại được chia thành loại công-đức, loại thất-đức, và loại bất-động—loại bất-động là những sự cố-ý (tư) có mặt trong những sự thiên định vô-sắc giới. Khi vô-minh và dục-vọng (ái) nằm bên dưới dòng chảy tâm-thức của chúng ta, thì những hành-vi cố-ý của thân, lời-nói và tâm của chúng ta có khả năng tạo ra những nghiệp quả. Nghiệp quả hệ trọng nhất chúng tạo ra là sự tái-tạo dòng *thức* theo sau cái chết. Đó chính là *các hành*, được thúc đẩy lên bởi *vô-minh* và được tiếp liệu bởi *dục-vọng*, chúng lái đẩy dòng *thức* về hướng sự tái-sinh mới. Thêm nữa, chính xác nơi nào *thức* hướng tới là được quyết định bởi *tính-chất nghiệp* của *các hành*. Nếu một người tham gia những hành-động công-đức, thì *các hành* [*những hành-vi cố-ý*] sẽ thúc đẩy *thức* theo hướng đến cảnh tái-sinh phúc lành. Ngược lại nếu một người làm những hành-động thất-đức, thì *các hành* sẽ lái đẩy *thức* theo hướng đến cõi đọa xấu dữ. Và nếu một người làm chủ được những tầng thiên định vô-sắc, thì *các hành bất-động* sẽ thúc đẩy tới sự tái-sinh trong những cõi trời vô-sắc giới.

(2) Sankhara [các hành] trong Hành Uẩn

Thứ hai là *các hành* chính là *tập hợp những sự tạo-tác cố-ý* (hành uẩn, *sankhara-khandha*) thuộc năm tập hợp kết thành một ‘sự hiện-hữu cá thể’ (năm uẩn). Năm tập hợp đó gồm: thân-sắc, những cảm-giác, những nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức [sắc, thọ, tưởng, hành, thức]. Các kinh đã rõ ràng định nghĩa *hành-uẩn* là gồm 06 loại *sự cố-ý* (tư) (*cha cetanakaya*): sự cố-ý đối với những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng hữu hình chạm xúc, và những ý-tưởng [sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp]. Mặc dù *các hành* này là hầu như tương ứng giống như *các hành* trong Lý Duyên Khởi, nhưng chúng không thực sự giống nhau. *Hành-uẩn* (*sankhara-khandha*), tập hợp những sự tạo-tác cố-ý, có phạm vi rộng hơn. Nó gồm có tất cả các loại *sự cố-ý* (tư), không chỉ những loại sự cố-ý có tiềm năng *tạo-nghiệp* mà cả những loại sự cố-ý thụ động về *nghiệp* và không hoạt động *tạo-nghiệp*.

Điều quan trọng nhất là hiểu về các hành, là những hiện-tượng có điều-kiện, những thứ hữu-vi, rằng chúng đều là vô-thường.

Trong kinh điển Pali sau này, *hành-uẩn* trở thành một hạng mục ô dù cho tất cả những yếu-tố của tâm, ngoại trừ cảm-giác (thọ) và sự nhận-thức (tưởng) vốn tự chúng đã là các uẩn. Như vậy *hành-uẩn* sẽ gồm có những yếu-tố thiện như vô-tham, vô-sân và trí-tuệ; những yếu-tố bất thiện như tham, sân và si; và những yếu-tố biến thể về mặt đạo đức như sự tiếp-xúc, sự chú-tâm, ý-nghĩ, và sự nỗ-lực (xúc, tác-ý, tầm, tinh-tấn). Vì tất cả những yếu-tố này đều khởi sinh gắn liền với sự cố-ý (tư), cho nên những sư thầy Phật giáo tiền cổ đã quyết định rằng chỗ phù hợp nhất để gán chúng vào chính là tập hợp *hành-uẩn*.

(3) Sankhara [các hành] là Những Thứ Có Điều-Kiện

Nghĩa thứ ba mà chữ *sankhara* xuất hiện trong các kinh là chỉ *tất cả những thứ có điều-kiện (mọi pháp hữu-vi)*. Trong bối cảnh này thì chữ này có nghĩa thụ động, chỉ bất cứ thứ gì được tạo ra bởi một sự kết-hợp những điều-kiện—đó là, mọi thứ do bị điều-kiện (tác động, duyên), do được tạo dựng hay do được tạo tác mà có. Theo nghĩa này thì nó có thể được dịch một cách đơn giản là “*những hiện-tượng có điều-kiện*” (*những thứ hữu vi, những pháp hữu vi*). Thực ra các luận-giải Pali đã chú giải loại *các hành* này là “*sankhata-sankhara*” [*các hành có trong những thứ có điều-kiện, hữu-vi hành*]. Chữ *sankhata* là quá khứ phân từ của động từ *sankharoti*, từ đây mà có chữ *sankhara* (chữ *sankhara* xuất thân từ chữ *sankharoti*). Theo nghĩa là *những hiện-tượng có điều-kiện* thì *các hành* bao gồm luôn *tất cả năm uẩn*, chứ nó không chỉ là uẩn thứ tư (*hành-uẩn*). Thuật ngữ *những hiện-tượng có điều-kiện* ở đây cũng gồm cả *những đối-tượng* và *những hiện-tượng bên ngoài* như núi, ruộng, rừng; thị, thành, làng mạc; thức ăn và thức uống; và chúng ta có thể thêm luôn cả xe cộ, iPhone, và máy tính.

(4) Sankhara [các hành] trong Những Giai Đoạn Thiền Định

Nghĩa thứ tư mà chữ *sankhara* [*các hành*] được dùng trong các kinh là trong bối cảnh về thiền định. Ở đây chữ *các hành* được dùng để chỉ những hiện-tượng thuộc thân, lời-nói và tâm (thân hành, khẩu hành, tâm hành) trong mối liên hệ của chúng trong các giai đoạn thiền định. Chúng ta đọc thấy cách dùng chữ này trong kinh MN 44. Ở đây, *các hành* thuộc thân (thân hành) được nói chính là *sự thở-vô và thở-ra*, lý do là “bởi vì những thứ này đều

thuộc thân, tùy thuộc vào thân”. *Các hành* thuộc lời-nói (khẩu hành) được nói chính là *ý-nghĩ* (tâm) và *sự soi xét* (tứ), lý do là “bởi vì trước tiên người thiền nghĩ và suy xét, rồi bộc phát thành lời-nói”. Còn *các hành* thuộc tâm (tâm hành) được nói chính là *sự nhận-thức* (tướng) và *cảm-giác* (thọ), lý do là “bởi vì những thứ này đều thuộc tâm, tùy thuộc vào tâm”.

Trong sự tu tập những trạng thái thiền định thâm sâu hơn, *các hành* thuộc lời-nói chấm dứt khi chứng đắc tầng thiền định thứ hai (nhị thiền), trong đó *ý-nghĩ* (tâm) và *sự soi-xét* (tứ) lặn mất; *các hành* thuộc thân chấm dứt khi chứng đắc tầng thiền định thứ tư (tứ thiền), trong đó hơi-thở không còn; và *các hành* thuộc tâm chấm dứt khi chứng đắc trạng thái “chấm-dứt sự nhận-thức và cảm-giác” (diệt thọ tướng).

Ngưng Bặt Các Hành [Sankhara]

Sự thật là *các hành* có thể gồm cả những nguồn-lực chủ động và những thứ được tạo tác bởi chúng. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng và bảo đảm cho thuật ngữ này có vai trò như viên đá tảng của tầm nhìn triết học của Đức Phật. Phật đã dạy *các hành* theo 02 nghĩa chủ động—đó là (i) những hành-vi cố-ý vận hành trong ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (Lý Duyên Khởi) và (ii) những sự cố-ý mang tính nghiệp (nghiệp tư)—đã tạo tác *các hành* theo nghĩa thụ động: “Này các Tỳ kheo, chúng tự tạo tác những thứ có điều-kiện (hữu vi) nên chúng được gọi là những sự tạo-tác cố ý. Và chúng tạo tác những gì có điều-kiện? Chúng tạo tác sắc-thân có điều-kiện là sắc-thân ... cảm-giác có điều-kiện là cảm-giác ... những sự tạo-tác cố ý có điều-kiện là những sự tạo-tác cố ý ... thức có điều-kiện là thức;

do vậy chúng được gọi là những sự tạo-tác cố ý.” (kinh SN 22:79, mục (4), Quyển 3).

Khi chúng ta đặt chữ sankhara dưới kính hiển vi, chúng ta có thể nhìn thấy toàn bộ tâm-nhìn thế giới của Giáo Pháp được nén nhỏ lại bên trong kính.

Mặc dù những thứ vô tri vô giác bên ngoài khỏi sinh thuần túy từ những nguyên nhân vật lý, nhưng *các hành* tạo nên ‘sự hiện-hữu cá thể’ của chúng ta—tức năm uẩn—đều là sản phẩm của các hành chủ động mang nghiệp (nghiệp hành), đặc biệt là *các hành* mà chúng ta đã tạo ra trong nhiều kiếp trước. Trong kiếp này cũng vậy, năm uẩn luôn luôn được duy trì, được bồi thêm và được tăng cường bởi những hành-vi cố-ý mà chúng ta làm trong hiện tại, thì đồng *các hành* này lại trở thành những điều-kiện (duyên) cho sự hiện-hữu tương lai. (*Các hành* đã tạo nghiệp trong những kiếp trước tạo nên năm uẩn của chúng ta trong kiếp này, và *các hành* tạo nghiệp chúng ta làm trong kiếp này sẽ tạo nên năm uẩn của chúng ta trong những kiếp tiếp theo). Như vậy đó, Đức Phật đã dạy rằng chính *các hành tạo nghiệp* của chúng ta đã xây nên ‘tòa nhà’ của danh-tánh của chúng ta trong kiếp hiện tại, và chính *các hành* tạo nghiệp của chúng ta trong kiếp hiện tại sẽ xây dựng nên ‘tòa nhà’ của danh-tánh trong những kiếp tương lai mà chúng ta sẽ cư trú trong đó. Những ‘tòa nhà’ đó chẳng chứa gì ngoài *các hành* là *những thứ có điều-kiện*, là những hiện-tượng có điều-kiện gồm có trong năm uẩn.

Điều quan trọng nhất để hiểu về *các hành* [là những hiện-tượng có điều-kiện, những pháp hữu-vi] là tất cả chúng đều là vô-thường: “*Các hành đều là vô thường.*” Chúng là vô-thường không chỉ theo nghĩa là trong sự có mặt thô tế của chúng, cuối cùng chúng cũng sẽ biến diệt không còn, mà thậm chí theo nghĩa chua chát nghiệt ngã

hơn là ở mức độ vi tế chúng luôn luôn không ngừng lên và xuống, sinh và diệt, cứ mãi mãi khởi sinh có mặt rồi trong tích tắc rã tan và diệt vong: “*Bản chất của chúng là sinh rồi diệt.*” Vì lý do này cho nên Phật đã tuyên bố rằng *tất cả các hành đều là khổ (sabbe sankhara dukkha)*. Tuy nhiên, chúng là khổ không phải bởi vì tất cả chúng đều thực sự là đau khổ và khổ não mà bởi vì chúng được ấn chứng bằng dấu-hiệu là sự biến-diệt (tương hoại diệt): “*Sau khi khởi sinh, chúng biến diệt.*” Bởi vì tất cả chúng đều biến diệt nên chúng đâu thể nào cung cấp sự an-lạc và sự an-toàn bền lâu ổn định cho được. (Và như vậy là khổ)

Để đạt được sự giải thoát khỏi sự khổ, chúng ta phải đạt được sự giải thoát không chỉ khỏi sự khổ của trải nghiệm cá nhân mà còn khỏi sự bất-toại-nguyện vốn có trong toàn bộ sự hiện-hữu có điều-kiện. Phương diện này của sự khổ được gọi là ‘*sự khổ do các hành*’ hay *hành-khổ (sankhara-dukkha)*. Đây chính là phạm vi rộng lớn của sự khổ luôn gắn liền với và không thể tách rời khỏi hành-trình của chúng ta xuyên qua đường luân-hồi thăm thẳm sinh tử và tử sinh. Thứ vượt khỏi *các hành* là thứ không bị tạo-tác, không phải do hợp-cùng-nhau (mà có), không phải do kết-hợp (mà có). Đây là trạng thái Niết-bàn, do vậy cũng được gọi là trạng thái *không còn điều-kiện*, tức trạng thái *vô-vi (asankhata)*—ngược lại với trạng thái *còn điều-kiện*, tức trạng thái *hữu-vi*, do tạo-tác (mà có), do hợp-cùng-nhau (mà có), do kết-hợp (mà có). Niết-bàn được gọi là trạng thái không còn điều-kiện (vô vi) rõ ràng bởi vì bản thân nó không phải là *hành* hay được tạo tác bởi *các hành*; đó là một trạng thái được mô tả (i) là *visankhara [không còn những hành-vi làm điều-kiện (không còn các hành), không còn thứ bị điều-kiện (không còn thứ bị tác động bởi các hành)]* và (ii) là *sabbasankhara-samatha*

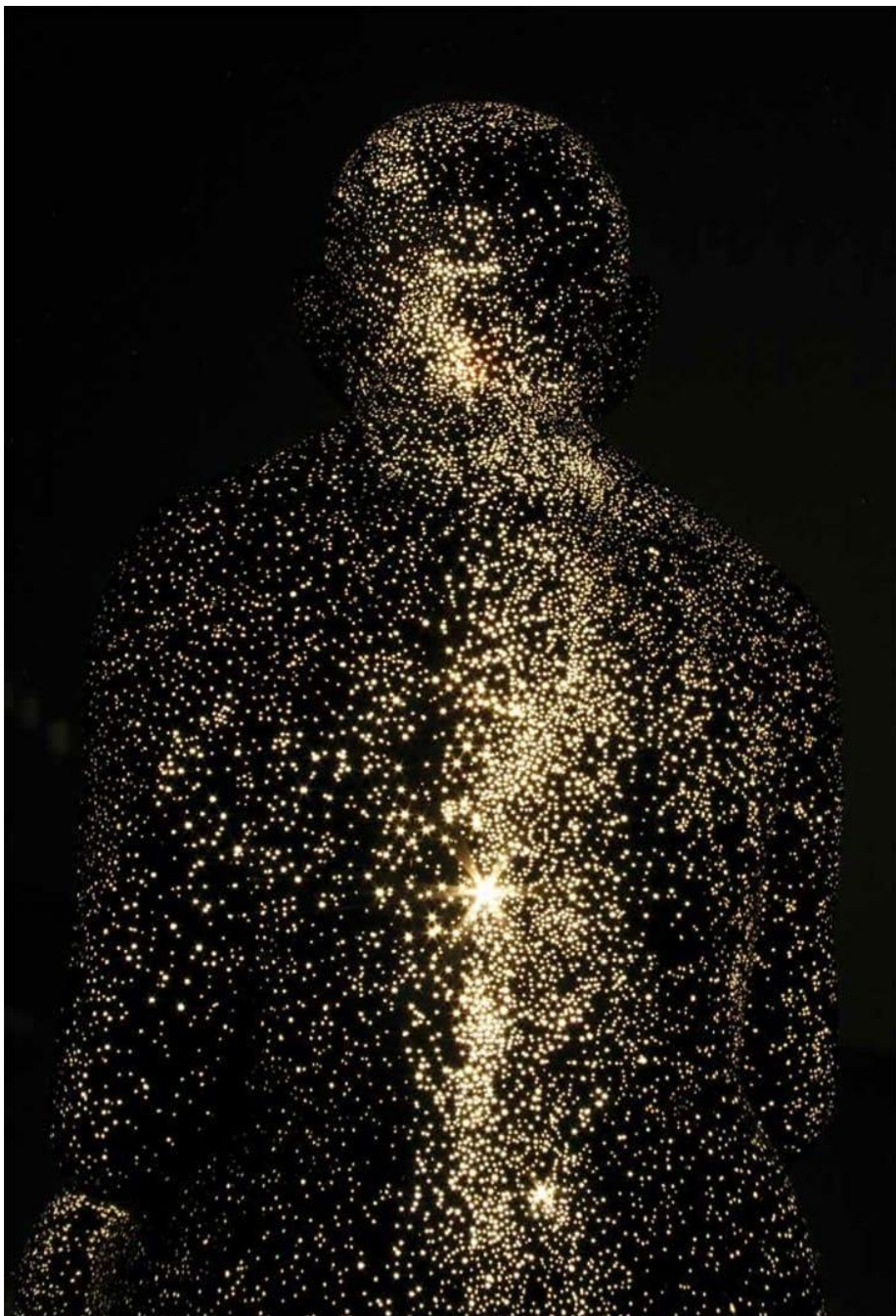
[*sự vắng-lặng của tất cả những hiện-tượng có điều-kiện (sự không còn mọi thứ hữu-vi)*].”

Như vậy, khi chúng ta đặt chữ *sankhara* dưới kính hiển vi, chúng ta có thể nhìn thấy toàn bộ tầm-nhìn thế giới của Giáo Pháp được nén nhỏ lại bên trong kính. *Các hành* chủ động gồm *những sự cố-ý chủ động mang nghiệp* (từ những kiếp trước) luôn dung dưỡng mãi *các hành* của năm uẩn cấu tạo nên ‘sự hiện-hữu cá thể’ của chúng ta. Chúng ta cứ nhận lầm mình là năm uẩn bởi do ngu-si (vô-minh) và chúng ta tìm kiếm sự hưởng lạc trong năm uẩn bởi do dục-vọng (tham ái). Bởi vì do vô-minh và dục-vọng nên chúng tham gia làm *những hành-vi cố-ý* để chúng tạo dựng nên ‘những sự kết-hợp’ thành năm uẩn của tương lai, rồi đó trở thành những ‘danh-tính cá thể’ của chúng ta trong những kiếp kế tiếp. Đơn giản đó là bản chất của vòng luân-hồi (*samsara*): một tiến trình liên tục tiếp diễn của *các hành*, trống không mà hiệu lực, cứ sản sinh ra *các hành* khác nữa, cứ khởi lên thành những làn sóng mới bằng một sự tái-sinh mới, dâng lên thành đỉnh sóng và rồi rã tan xuống thành già, bệnh, chết. Cứ vậy mà tiếp diễn qua kiếp này kiếp khác, bị bao trùm trong sự vô-minh cho nên chúng ta cứ cho ‘ta’ là ‘thực sự ổn thỏa’, luôn được duy trì bởi niềm hy-vọng, mãi mãi viển vông và chẳng hề suy giảm, về một sự hoàn mãn toại nguyện cuối cùng nào đó.

Tuy nhiên, khi chúng ta nhận lấy sự tu-tập theo giáo pháp là chúng ta đã áp dụng ‘chân phanh’ để phanh lại và làm ngưng bật sự phát sinh không ngừng nghỉ đó của *các hành*. Thông qua trí-tuệ chúng ta loại bỏ sự ngu-si (vô-minh); thông qua sự từ-bỏ chúng ta loại bỏ dục-vọng (tham ái). Chúng ta nhìn thấy bằng trí-tuệ cái bản chất đích thực của *các hành* là không bền lâu ổn định, chỉ là tiến trình có điều-kiện cứ tiếp diễn và tiếp diễn mà không có ai là chủ

thể của nó cả. Nhờ đó chúng ta ‘tắt’ được cái động-cơ bị lèo lái bởi vô-minh và dục-vọng đó, và nhờ làm như vậy, cái tiến trình tạo-tác tạo nghiệp—tức sự sản xuất *các hành* chủ động tạo nghiệp—sẽ bị ngưng bật một cách hiệu quả. Bằng sự đưa đến sự chấm-dứt sự tạo-tác của thực-tại có điều-kiện (hiện thực hữu vi), chúng ta mở ra cánh cửa dẫn tới trạng thái luôn-có-mặt trong hiện-tại nhưng không bị tạo-tác, không bị điều-kiện: đó là *yếu-tố không còn điều-kiện, vô-vi giới (asankhata-dhatu)*. Đây là Niết-bàn, sự bất-tử, sự vắng-lặng tắt cả những hành-vi cố-ý, sự vắng-lặng tắt cả *các hành*, sự giải-thoát cuối cùng khỏi tất cả mọi sự điều-kiện, tức giải-thoát khỏi sự vô-thường và sự chết. Bởi vậy câu kệ cuối đã kết luận: “*Sự vắng lặng của các hành là chân phúc!*”.

++++



Minh họa: Hình ảnh dải Ngân Hà, chụp bởi Mihoko Ogaki, 2008.